

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: LỊCH SỬ VIỆT NAM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Môn		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360329	Du Quế	Ân	07/10/2007	02DL15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
2	2223360263	Đinh Hiền	Đạt	21/08/2007	02DL15C1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
3	2223360540	Huỳnh Thị Phương	Dung	28/05/2002	02DL15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
4	2223360313	Nguyễn Nhật Tùng	Dương	27/07/2006	02DL15C1	7,0	8,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
5	2223360131	Nguyễn Minh	Hiếu	21/02/2003	02DL15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
6	2223240245	Lê Văn	Hoàn	27/07/1998	02DL15A1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
7	2223360198	Đặng Thế	Hùng	21/12/2006	02DL15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
8	2223360498	Nguyễn Trọng	Khang	14/12/2007	02DL15C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
9	2223360586	Huỳnh Nhựt	Khang	11/11/2003	02DL15C1	7,0	8,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
10	1223360185	Huỳnh Anh	Kiệt	04/02/2007	02DL15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
11	2223360168	Võ Nguyễn Hồng	My	01/02/2007	02DL15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
12	2223360507	Phan Hồ	Nam	04/08/2006	02DL15C1	6,0	6,0	6,0				2,4	Thi lại
13	2223360446	Trần Thị Mỹ	Ngân	22/05/2007	02DL15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360329	Du Quế	Ân	07/10/2007	02DL15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
14	2223360148	Ngô Mỹ	Ngọc	07/10/2007	02DL15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
15	2223360041	Tô Thành	Phát	18/12/2005	02DL15C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
16	2213240036	Nguyễn Hoàng Thanh Phong		24/01/1996	02DL15A1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
17	2213360004	Nguyễn Vũ Hoàng	Phong	09/02/2004	02DL15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
18	2203360104	Nguyễn Thị Kim	Thanh	28/09/2004	02DL15C1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
19	2223360437	Phan Thị Bé	Thảo	30/04/2007	02DL15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
20	2223360136	Nguyễn Phước	Thịnh	02/12/2004	02DL15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
21	2223360180	Nguyễn Anh	Thư	30/03/2007	02DL15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
22	2213360145	Võ Hoàng Thanh	Trà	18/01/2005	02DL15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
23	2223360137	Văn Quý Thục	Trân	07/12/2003	02DL15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
24	2223360316	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	19/08/2007	02DL15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
25	2223360036	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	15/10/2005	02DL15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại